SỞ LAO ĐỘNG - TB&XH ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG TRUNG CẤP THANH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do -Hạnh phúc

KẾT QUẢ PHÂN LOẠI HỌC TẬP HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2021 - 2022

Trình độ đào tạo :Trung cấp

Lớp: Chế biến thực phẩm K05, niên khóa 2021 - 2023

Stt	Mã số học sinh	Họ và tên		Điểm tổng kết môn học/ mô-đun								Điểm trung bình chung học kỳ	Xếp loại	Xếp Hạng	Môn học/ Mô-đun thi lại	Môn học/ Mô-đun học lại	Ghi chú
				Giáo dục thể chất (1)	Giáo dục quốc phòng - an ninh (2)	Nước và chất lượng nước (3)	Các quá trình truyền nhiệt (4)	Kiểm tra, bảo dưỡng máy thiết bị (5)	Đóng gói, bao bì (6)	Vận chuyển, thu nhận và bảo quản nguyên liệu (7)	Vệ sinh an toàn thực phẩm (8)						
				Số tín chỉ: 1	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 3	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 2	16					
1	K5CBTP 02	Nguyễn Khánh	Băng			0,6				2,8		0,5	Yếu		(7)	(1,2,3,4,5,6,8)	
2	K5CBTP 03	Lê Thị	Chậm			0,5						0,1	Yếu			(1,2,3,4,5,6,7,8)	
3	K5CBTP 04	Nguyễn Thị Ngọc	Hân									0,0	Yếu			(1,2,3,4,5,6,7,8)	
4	K5CBTP 27	Lê Hoài	Hận	9,0	7,9	8,7	9,4	7,9	6,0	6,6	8,3	7,9	Khá	4			
5	K5TN 09	Nguyễn Linh	Hoài	6,7	8,7	8,4	7,6	6,7	0,8	0,8	7,7	5,5	Trung bình			(6,7)	
6	K5CBTP 28	Phạm Thị Như	Huyền									0,0	Yếu			(1,2,3,4,5,6,7,8)	
7	K5CBTP 06	Trần Thị Thúy	Ngân	7,0	8,2	8,5	8,0	8,0	6,4	6,1	7,8	7,5	Khá	7			
8	K5CBTP 07	Trần Ngọc	Ngân	7,6	8,5	8,2	8,5	6,6	0,7	5,7	6,8	6,3	TB Khá			(6)	
9	K5CBTP 08	Trần Thị	Ngân			0,4						0,1	Yếu			(1,2,3,4,5,6,7,8)	
10	K5CBTP 32	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	9,9	9,0	9,5	9,6	9,5	7,8	7,9	9,2	9,0	Giỏi	1			
11	K5CBTP 11	Ngô Thị Huỳnh	Như									0,0	Yếu			(1,2,3,4,5,6,7,8)	
12	K5CBTP 14	Trần Thị Như	Quỳnh									0,0	Yếu			(1,2,3,4,5,6,7,8)	

Stt	Mã số học sinh	Họ và tên		Điểm tổng kết môn học/ mô-đun								Điểm trung bình chung học kỳ	Xếp loại	Xếp Hạng	Môn học/ Mô-đun thi lại	Môn học/ Mô-đun học lại	Ghi chú
				Giáo dục thể chất (1)	Giáo dục quốc phòng - an ninh (2)	Nước và chất lượng nước (3)	Các quá trình truyền nhiệt (4)	Kiểm tra, bảo dưỡng máy thiết bị (5)	Đóng gói bao bì (6)	Vận chuyển, thu nhận và bảo quản nguyên liệu (7)	Vệ sinh an toàn thực phẩm (8)						
				Số tín chỉ: 1	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 3	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 2	16					
13	K5CBTP 21	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyết			0,6						0,1	Yếu			(1,2,3,4,5,6,7,8)	
14	K5CBTP 39	Mai Thị Mai	Thảo			2,5			0,6	2,1		0,8	Yếu		(3,7)	(1,2,4,5,6,8)	
15	K5CBTP 16	Trần Nông Thanh	Thảo			0,6						0,1	Yếu			(1,2,3,4,5,6,7,8)	
16	K5CBTP 38	Nguyễn Thị Thanh	Thảo									0,0	Yếu			(1,2,3,4,5,6,7,8)	
17	K5CBTP 41	Lê Thu	Trang									0,0	Yếu			(1,2,3,4,5,6,7,8)	
18	K5CBTP 46	Trần Thị Kim	Vàng	8,0	8,0	8,7	8,1	7,4	6,6	6,8	8,1	7,7	Khá	6			
19	K5CBTP 43	Nguyễn Trần Phương	Vi	8,0	7,8	9,1	9,1	9,3	7,7	7,7	9,2	8,7	Giỏi	2			
20	K5CBTP 44	Lê Thị Tường	Vi			0,4						0,1	Yếu			(1,2,3,4,5,6,7,8)	
21	K5CBTP 45	Phan Thị Như	Ý	8,2	8,1	9,0	9,1	9,8	7,3	7,9	7,5	8,5	Giỏi	3			
22	K5CBTP 23	Nguyễn Thị Kim	Yến	8,7	8,2	7,7	8,6	8,9	6,6	7,2	7,5	7,8	Khá	5			

Tổng số danh sách: 22 học sinh *Giỏi: 03 Khá: 04 TB Khá: 01 Trung bình: 01 Yếu: 13*

Ghi chú: *Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh là môn học điều kiện*

Thanh Bình, ngày 05 tháng 4 năm 2023

Người lập	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Phòng Đào tạo - CTHS	KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Mai Đức	Nguyễn Thái Thị Ánh Tuyền	Nguyễn Thùy Trang	Trần Thị Hồng

SỞ LAO ĐỘNG - TB&XH ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG TRUNG CẤP THANH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do -Hạnh phúc

KẾT QUẢ PHÂN LOẠI HỌC TẬP NĂM HỌC 2021 - 2022

Trình độ đào tạo :Trung cấp

Lớp: Chế biến thực phẩm K05, niên khóa 2021 - 2023

Stt	Mã số học sinh	Họ và tên		Điểm tổng kết môn học/ mô-đun																Điểm trung bình chung năm học	Xếp loại	Xếp Hạng	Môn học/ Mô-đun thi lại	Môn học/ Mô - đun học lại	Ghi chú
				Giáo dục SKSS/SKTD/HIV (1)	Giáo dục thể chất (2)	Giáo dục quốc phòng - an ninh (3)	Giáo dục chính trị (4)	Pháp luật (5)	Kỹ thuật phòng thí nghiệm (6)	Hóa sinh thực phẩm (7)	Vi sinh thực phẩm (8)	An toàn lao động (9)	Phân tích thực phẩm (10)	Các quá trình chuyển khối (11)	Nước và chất lượng nước (12)	Các quá trình truyền nhiệt (13)	Kiểm tra, bảo dưỡng máy thiết bị (14)	Đóng gói bao bì (15)	Vận chuyển, thu nhận và bảo quản nguyên liệu (16)	Vệ sinh an toàn thực phẩm (17)						
					Số tín chỉ: 1	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 1	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 3	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 3	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 2	32					
1	K5CBTP 02	Nguyễn Khánh	Băng	6,9			6,1	8,5	7,3	7,9	5,6	6,6	6,2	8,3	0,6				2,8		4,1	Yếu		(16)	(2,3,12,13,14,15,17)	
2	K5CBTP 03	Lê Thị	Chậm	2,9			2,8	3,6	2,6	3,0	2,5	2,1	2,0	2,2	0,5						1,4	Yếu		(1,4,5,6,7,8,9,10,11)	(2,3,12,13,14,15,16,17)	
3	K5CBTP 04	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	3,0			0,6	3,5	2,9	2,4	3,1	2,1	3,0	2,2							1,3	Yếu		(1,5,6,7,8,9,10,11)	(2,3,4,12,13,14,15,16,17)	
4	K5CBTP 27	Lê Hoài	Hận	7,3	9,0	7,9	6,7	7,3	7,5	8,1	5,9	7,3	4,9	7,0	8,7	9,4	7,9	6,0	6,6	8,3	7,3	Khá		(10)		
5	K5TN 09	Nguyễn Linh	Hoài	7,3	6,7	8,7	5,3	6,8	7,7		5,8	6,6	3,9	7,4	8,4	7,6	6,7	0,8	0,8	7,7	5,5	Trung bình		(10)	(7)	
6	K5CBTP 28	Phạm Thị Như	Huyền				0,6			2,6	2,0	2,1	2,0	2,6							0,9	Yếu		(7,8,9,10,11)	(1,2,3,4,5,6,12,13,14,15,16,17)	
7	K5CBTP 06	Trần Thị Thúy	Ngân	6,3	7,0	8,2	5,3	7,8	6,0		5,4	5,7	4,2	6,4	8,5	8,0	8,0	6,4	6,1	7,8	6,1	TB Khá		(10)	(7)	
8	K5CBTP 07	Trần Ngọc	Ngân	6,6	7,6	8,5	5,6	6,8	6,7	6,4	5,2	5,5	3,7	7,6	8,2	8,5	6,6	0,7	5,7	6,8	6,1	TB Khá		(10)		
9	K5CBTP 08	Trần Thị	Ngân	3,0			2,2	3,5	3,5	2,9	2,6	3,9	2,7	3,2	0,4						1,7	Yếu		(10,11)	(1,2,3,4,7,12,13,14,15,16,17)	
10	K5CBTP 32	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	7,5	9,9	9,0	8,2	8,4	8,5	9,1	5,7	8,5	6,4	7,9	9,5	9,6	9,5	7,8	7,9	9,2	8,3	Giỏi	1			
11	K5CBTP 11	Ngô Thị Huỳnh	Như	2,9			2,7		3,0	3,1	2,2	2,1	2,0	2,1							1,3	Yếu		(1,4,6,7,8,9,10,11)	(2,3,5,12,13,14,15,16,17)	
12	K5CBTP 14	Trần Thị Như	Quỳnh				2,2		3,0												0,4	Yếu		(4,6)	(1,2,3,5,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17)	
13	K5CBTP 21	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyết				2,7	3,6	2,9	3,1		2,1	2,0	2,3	0,6						1,3	Yếu		(4,5,6,7,9,10,11)	(1,2,3,8,12,13,14,15,16,17)	
14	K5CBTP 39	Mai Thị Mai	Thảo					6,2	7,7		5,3	6,9	4,6	6,5	2,5			0,6	2,1		2,9	Yếu		(10,16)	(1,2,3,4,7,13,14,15,17)	
15	K5CBTP 38	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	2,6					3,7	2,7	2,6	2,1	5,3	2,6							1,4	Yếu		(1,6,7,8,9,10,11)	(2,3,4,5,12,13,14,15,16,17)	
16	K5CBTP 16	Trần Nông Thanh	Thảo				2,4	3,6	2,8		2,5	2,1	2,0	2,4	0,6						1,2	Yếu		(4,5,6,8,9,10,11)	(1,2,3,7,12,13,14,15,16,17)	
17	K5CBTP 41	Lê Thu	Trang	3,0			2,8		3,4	3,1	3,0	2,0	2,0	2,8							1,4	Yếu		(1,4,6,7,8,9,10,11)	(2,3,5,12,13,14,15,16)	

Stt	Mã số học sinh	Họ và tên		Điểm tổng kết môn học/ mô-đun																Điểm trung bình chung năm học	Xếp loại	Xếp Hạng	Môn học/ Mô-đun thi lại	Môn học/ Mô - đun học lại	Ghi chú
				Giáo dục SKSS/SKTD/HIV (1)	Giáo dục thể chất (2)	Giáo dục quốc phòng - an ninh (3)	Giáo dục chính trị (4)	Pháp luật (5)	Kỹ thuật phòng thí nghiệm (6)	Hóa sinh thực phẩm (7)	Vi sinh thực phẩm (8)	An toàn lao động (9)	Phân tích thực phẩm (10)	Các quá trình chuyển khối (11)	Nước và chất lượng nước (12)	Các quá trình truyền nhiệt (13)	Kiểm tra, bảo dưỡng máy thiết bị (14)	Đóng gói bao bì (15)	Vận chuyển, thu nhận và bảo quản nguyên liệu (16)	Vệ sinh an toàn thực phẩm (17)					
				Số tín chỉ: 1	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 1	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 3	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 3	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 2	Số tín chỉ: 2	32					
18	K5CBTP 46	Trần Thị Kim	Vàng	7,1	8,0	8,0	5,8	7,4	5,5	6,7	3,5	5,1	5,7	5,8	8,7	8,1	7,4	6,6	6,8	8,1	6,5	TB Khá		(8)		
19	K5CBTP 43	Nguyễn Trần Phương	Vi	7,3	8,0	7,8	7,4	8,6	8,1	8,4	5,5	9,4	7,6	8,6	9,1	9,1	9,3	7,7	7,7	9,2	8,3	Giỏi	2			
20	K5CBTP 44	Lê Thị Tường	Vi				1,8	7,4	7,2		5,3	9,6	4,9	3,0	0,4						2,6	Yếu				
21	K5CBTP 45	Phan Thị Như	Ý	6,9	8,2	8,1	7,8	6,5	7,7	7,9	5,0	7,6	5,8	8,6	9,0	9,1	9,8	7,3	7,9	7,5	7,8	Khá	3			
22	K5CBTP 23	Nguyễn Thị Kim	Yến	6,7	8,7	8,2	6,6	7,4	6,1	7,0	5,4	5,1	6,8	8,3	7,7	8,6	8,9	6,6	7,2	7,5	7,2	Khá	4			

Tổng số danh sách: 22 học sinh *Giỏi: 02 Khá: 03 TB Khá: 03 Trung bình: 01 Yếu: 13*

Ghi chú: *Giáo dục SKSS/SKTD/HIV, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh là môn học điều kiện*

Thanh Bình, ngày 05 tháng 4 năm 2023

Người lập	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Phòng Đào tạo - CTHS	KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Mai Đức	Nguyễn Thái Thị Ánh Tuyền	Nguyễn Thùy Trang	Trần Thị Hồng

SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG TRUNG CẤP THANH BÌNH